

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2026/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh Mai Xuân T, sinh năm 1980; Số CCCD: 038080005786;

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường Đ, tỉnh Lai Châu

- Chị Vương Bích N, sinh năm 1984; Số CCCD: 012184005998;

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường Đ, tỉnh Lai Châu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Vương Bích N và anh Mai Xuân T trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: tự nguyện tìm hiểu về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 10/8/2009 tại UBND phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. (Nay là UBND phường Q, tỉnh Thanh Hóa). Đến nay chị N và anh T đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2] Chị Vương Bích N và anh Mai Xuân T đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, không yêu cầu chia tài sản chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vương Bích N và anh Mai Xuân T.

- Về việc nuôi con: Anh Mai Xuân T và chị Vương Bích N có 03 con chung: Cháu Mai Vương Gia H sinh ngày 12/11/2006, cháu Mai Bảo A, sinh ngày 06/01/2016 và cháu Mai Xuân P, sinh ngày 04/01/2018. Khi ly hôn, anh T, chị N thỏa thuận:

Anh Mai Xuân T sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu M Bảo A và Mai Xuân P cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Còn con chung Mai Vương Gia H hiện nay đã đủ 18 tuổi, tuy nhiên cháu bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên anh T, chị N thỏa thuận: Anh Mai Xuân T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T, chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Vương Bích N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Mai Xuân T và chị Vương Bích N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vương Bích N và anh Mai Xuân T thỏa thuận anh T là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh Mai Xuân T đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000097 ngày 04/3/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga